

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

MÔN: MẠNG MÁY TÍNH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	1223360240	Nguyễn Hoàng	Anh	10/04/2007	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
2	1223360248	Vũ Bùi Quốc	Anh	02/05/2007	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
3	1223360112	Trịnh Hoàng Gia	Bảo	19/08/2007	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
4	1223360123	Nguyễn	Bính	18/01/2007	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		9.0		8.6	Đạt
5	1223360241	Nguyễn Hùng	Cường	07/04/2007	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
6	1223360040	Trương Nguyễn Thành Danh		18/07/2007	01PM15C1	2.0	2.0	2.0	TBKT			0.8	Học lại
7	1223360136	Nguyễn Ngọc Hải	Dương	21/07/2007	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
8	1223360182	Trần Quốc	Dương	08/01/2007	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
9	1223360094	Nguyễn Thành	Đạt	05/03/2007	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
10	1223360080	Phạm Thành	Đức	30/09/2007	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		9.0		8.6	Đạt
11	1223360234	Cao Đức	Hạnh	03/02/2007	01PM15C1	3.0	3.0	3.0	TBKT			1.2	Học lại
12	1223240023	Nguyễn Quốc	Huy	24/01/2003	01PM15A1	7.0	8.0	7.7		7.0		7.3	Đạt
13	1223360078	Mai Trung	Kiên	08/11/2005	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
14	1223360060	Nguyễn Văn	Kiên	14/01/2007	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt

MÔN: MẠNG MÁY TÍNH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
15	1223360170	Trương Nguyễn Đăng Khoa	30/09/2007	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
16	1223360098	Nguyễn Hoàng Anh Khoa	06/10/2007	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		9.0		8.6	Đạt
17	1223360122	Trần Minh Mẫn	28/02/2007	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
18	1223360120	Trịnh Hồng Ngọc	17/11/2007	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
19	1223360070	Trần Đức Phi	17/06/2007	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
20	1223360160	Huỳnh Văn Phúc	14/02/2007	01PM15C1	7.0	7.0	7.0		6.0		6.4	Đạt
21	1223360184	Võ Trọng Phúc	07/02/2007	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
22	1223360270	Phan Kim Hoàng Phúc	07/01/2007	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
23	1223360168	Võ Minh Quân	10/06/2007	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
24	1223360089	Nguyễn Võ Bình Sơn	21/10/2007	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
25	1223240071	Nguyễn Nho Tú	01/02/2004	01PM15A1	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
26	1223360128	Diệp Minh Tuấn	10/03/2007	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
27	1223360162	Nguyễn Hoàng Thái	25/07/2007	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
28	1223360237	Hồ Tấn Thành	10/08/2007	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
29	1223360174	Nguyễn Thị Thu Thảo	15/10/2007	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
30	1223360204	Nguyễn Quốc Hưng Thịnh	03/08/2007	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt

MÔN: MẠNG MÁY TÍNH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4.0		6.0	6.0		
31	1223360209	Lâm Phúc	Thịnh	01/03/2007	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
32	1223360262	Hồ Quang	Thuận	24/08/2005	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
33	1223360205	Nguyễn Hoàng	Thuyên	29/08/2007	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
34	1223360154	Lê Hạ Hoài	Thương	27/09/2007	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
35	1223360165	Liêu Minh	Trọng	03/11/2007	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
36	1223360196	Dương Quốc	Trung	08/09/2007	01PM15C1	7.0	8.0	7.7		6.0		6.7	Đạt
37	1223360201	Nguyễn Văn	Trường	21/11/2005	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
38	1223360273	Mai Thanh	Trường	27/04/2007	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		5.0		6.2	Đạt
39	2223360208	Trần Trọng	Anh	03/08/2003	02PM15C1	8.0	8.0	8.0		5.8		6.7	Đạt
40	2223360315	Đinh Duy	Anh	25/06/2007	02PM15C1	7.0	8.0	7.7		5.2		6.2	Đạt
41	2223360239	Phạm Minh Gia	Bảo	21/03/2007	02PM15C1	7.0	7.0	7.0		6.2		6.5	Đạt
42	2223360269	Nguyễn Hữu	Bảo	20/09/2007	02PM15C1	7.0	7.0	7.0		7.6		7.4	Đạt
43	2223360302	Phan Nguyễn Gia	Bảo	23/12/2007	02PM15C1	7.0	9.0	8.3		6.4		7.2	Đạt
44	2223360333	Đoàn Lâm Thiện	Bảo	28/11/2007	02PM15C1	8.0	7.0	7.3		6.2		6.7	Đạt
45	2223360087	Nguyễn Hoàng	Dinh	27/09/2002	02PM15C1	0.0	0.0	0.0	TBKT	0.0		0.0	Học lại
46	2223360308	Trần Trí	Dũng	29/08/2007	02PM15C1	8.0	8.0	8.0		5.8		6.7	Đạt

MÔN: MẠNG MÁY TÍNH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
47	2223360143	Phạm Ngọc Duyên	13/11/2006	02PM15C1	9.0	9.0	9.0		7.8		8.3	Đạt
48	2223360225	Ung Tấn Đạt	15/11/2007	02PM15C1	7.0	8.0	7.7		8.0		7.9	Đạt
49	2223240242	Trần Xuân Hàn	24/12/2003	02PM15A1	0.0	0.0	0.0	TBKT	0.0		0.0	Học lại
50	2223360343	Huỳnh Đăng Khải Hoàn	24/03/2007	02PM15C1	7.0	7.0	7.0		6.8		6.9	Đạt
51	2223360241	Nguyễn Thanh Thu Hồng	16/12/2007	02PM15C1	8.0	8.0	8.0		8.8		8.5	Đạt
52	2223360147	Vũ Nhật Khôi	01/12/2006	02PM15C1	7.0	8.0	7.7		6.2		6.8	Đạt
53	2223360080	Đinh Công Lâm	16/02/2003	02PM15C1	6.0	6.0	6.0		6.4		6.2	Đạt
54	2223360352	Trần Phúc Lộc	25/09/2007	02PM15C1	8.0	8.0	8.0		7.4		7.6	Đạt
55	2223360294	Nguyễn Hoàng Nam	30/01/2007	02PM15C1	7.0	7.0	7.0		6.4		6.6	Đạt
56	2223360330	Nguyễn Trần Duy Phong	12/01/2003	02PM15C1	0.0	0.0	0.0	TBKT	0.0		0.0	Học lại
57	2223360298	Phạm Thiên Phú	01/04/2007	02PM15C1	6.0	6.0	6.0		5.0		5.4	Đạt
58	2223360205	Phạm Nguyễn Thiên Phúc	16/12/2006	02PM15C1	7.0	8.0	7.7		6.6		7.0	Đạt
59	2223360336	Lý Hữu Phước	15/06/2007	02PM15C1	8.0	8.0	8.0		6.8		7.3	Đạt
60	2223360119	Phạm Nguyễn Hoàng Quân	06/03/2005	02PM15C1	9.0	0.0	3.0	TBKT	0.0		1.2	Học lại
61	2223360159	Trần Minh Quân	17/12/2005	02PM15C1	7.0	8.0	7.7		5.8		6.5	Đạt
62	2223360309	Lê Hoàng Quân	21/09/2007	02PM15C1	6.0	6.0	6.0		6.4		6.2	Đạt

MÔN: MẠNG MÁY TÍNH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4.0		6.0	6.0		
63	2223360325	Võ Minh	Tiến	25/09/2007	02PM15C1	8.0	9.0	8.7		5.8		6.9	Đạt
64	2223360249	Phan Huỳnh Minh	Tuấn	02/12/2007	02PM15C1	8.0	8.0	8.0		6.8		7.3	Đạt
65	2223360306	Nguyễn Chí	Thành	19/10/2006	02PM15C1	7.0	0.0	2.3	TBKT	0.0		0.9	Học lại
66	2223360280	Lê Hồ Gia	Thuận	26/04/2007	02PM15C1	7.0	8.0	7.7		6.0		6.7	Đạt
67	2223360194	Nguyễn Hoàng	Thức	08/03/2007	02PM15C1	7.0	8.0	7.7		6.4		6.9	Đạt
68	2223360299	Lý Ngọc Bảo	Trân	20/11/2007	02PM15C1	9.0	9.0	9.0		7.6		8.2	Đạt
69	2223360207	Phạm Phú	Trọng	07/03/2007	02PM15C1	6.0	7.0	6.7		4.8		5.5	Đạt
70	2223360341	Nguyễn Thanh	Trúc	30/12/2007	02PM15C1	8.0	8.0	8.0		4.4		5.8	Đạt
71	2223360327	Bùi Nguyễn Thanh	Vy	27/10/2007	02PM15C1	10.0	9.0	9.3		8.0		8.5	Đạt
72	2223360410	Phạm Bùi Duy	Anh	26/09/2007	02PM15C2	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
73	2223360500	Nguyễn Hoàng Quốc	Bảo	10/09/2007	02PM15C2	6.0	6.0	6.0		5.8		5.9	Đạt
74	2223360558	Nguyễn Duy	Bảo	13/11/2006	02PM15C2	8.0	8.0	8.0		6.2		6.9	Đạt
75	2223360547	Bùi Thanh	Bình	01/06/2007	02PM15C2	9.0	7.0	7.7		4.8		5.9	Đạt
76	2223360370	Vũ Đức	Dũng	25/12/2006	02PM15C2	7.0	7.0	7.0		5.8		6.3	Đạt
77	2223360397	Lê Trọng Thành	Đạt	17/11/2007	02PM15C2	6.0	7.0	6.7		6.0		6.3	Đạt
78	2223360485	Nghiêm Tấn	Đạt	20/12/2007	02PM15C2	6.0	7.0	6.7		5.6		6.0	Đạt

MÔN: MẠNG MÁY TÍNH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
79	2223360543	Nguyễn Phước Đạt	20/05/2007	02PM15C2	6.0	7.0	6.7		4.4		5.3	Đạt
80	2223360516	Huỳnh Hải Đăng	22/12/2006	02PM15C2	6.0	7.0	6.7		5.2		5.8	Đạt
81	2223360493	Võ Tấn Được	19/08/2002	02PM15C2	10.0	10.0	10.0		7.4		8.4	Đạt
82	2223360461	Trần Thị Hồng Hạnh	05/03/2007	02PM15C2	7.0	7.0	7.0		5.0		5.8	Đạt
83	2223360457	Nguyễn Trương Hoàng Hiệp	27/05/2007	02PM15C2	6.0	8.0	7.3		5.6		6.3	Đạt
84	2223360373	Trần Tuệ Hiếu	31/07/2007	02PM15C2	7.0	9.0	8.3		5.4		6.6	Đạt
85	2223360513	Bùi Văn Hòa	18/11/2004	02PM15C2	0.0	0.0	0.0	TBKT	0.0		0.0	Học lại
86	2223360392	Nguyễn Huy Hoàng	03/04/2007	02PM15C2	7.0	7.0	7.0		6.4		6.6	Đạt
87	2223360394	Hồ Minh Hoàng	24/07/2007	02PM15C2	7.0	7.0	7.0		5.2		5.9	Đạt
88	2223360384	Võ Nguyễn Minh Hưng	16/10/2007	02PM15C2	7.0	9.0	8.3		7.0		7.5	Đạt
89	2223360383	Nguyễn Minh Khang	31/08/2007	02PM15C2	6.0	8.0	7.3		5.8		6.4	Đạt
90	2223360452	Lê Võ Hoàng Khang	13/05/2005	02PM15C2	0.0	0.0	0.0	TBKT	0.0		0.0	Học lại
91	2223360361	Nguyễn Sơn Long	05/11/2007	02PM15C2	6.0	7.0	6.7		5.6		6.0	Đạt
92	2223360097	Nguyễn Tiên Lợi	14/10/2001	02PM15C2	9.0	9.0	9.0		7.0		7.8	Đạt
93	2223360506	Lý Hữu Lợi	02/07/2005	02PM15C2	7.0	8.0	7.7				3.1	Thi lại
94	2223360556	Nguyễn Minh Mẫn	26/10/2004	02PM15C2	6.0	7.0	6.7		6.2		6.4	Đạt

MÔN: MẠNG MÁY TÍNH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4.0		6.0	6.0		
95	2223360553	Nguyễn Đức	Nam	29/06/2005	02PM15C2	7.0	8.0	7.7		5.4		6.3	Đạt
96	2223360449	Hoàng Thành	Nhân	09/10/2006	02PM15C2	6.0	8.0	7.3		6.2		6.7	Đạt
97	2223240126	Lê Thị Yến	Nhi	22/07/2001	02PM15A2	0.0	0.0	0.0	TBKT	0.0		0.0	Học lại
98	2223180066	Nguyễn Tấn	Phát	15/11/1991	02PM15A2	0.0	0.0	0.0	TBKT	0.0		0.0	Học lại
99	2223360501	Nguyễn Thị Yến	Phi	19/12/2007	02PM15C2	7.0	6.0	6.3		5.0		5.5	Đạt
100	2223240169	Đặng Phong	Phú	28/02/1993	02PM15A2	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
101	2223360436	Nguyễn Tấn Thiên	Phúc	03/01/2007	02PM15C2	7.0	9.0	8.3		6.2		7.1	Đạt
102	2223360227	Lý Kiến	Quốc	26/08/2007	02PM15C2	7.0	8.0	7.7		4.4		5.7	Đạt
103	2223360423	Chí Nguyệt Cát	Tiên	04/05/2007	02PM15C2	9.0	8.0	8.3		4.4		6.0	Đạt
104	2223360470	Trần Phúc	Thành	28/10/2006	02PM15C2	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
105	2223360483	Ngô Quang	Thành	30/11/2007	02PM15C2	7.0	7.0	7.0		6.4		6.6	Đạt
106	2223360518	Nguyễn Quốc	Thắng	01/12/2007	02PM15C2	6.0	7.0	6.7		6.2		6.4	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

MÔN: LẮP RÁP CÀI ĐẶT BẢO TRÌ MÁY TÍNH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	1223360240	Nguyễn Hoàng	Anh	10/04/2007	01PM15C1	8.0	7.0	7.3		5.5		6.2	Đạt
2	1223360248	Vũ Bùi Quốc	Anh	02/05/2007	01PM15C1	8.0	7.0	7.3		6.0		6.5	Đạt
3	1223360112	Trịnh Hoàng Gia	Bảo	19/08/2007	01PM15C1	8.0	7.0	7.3		6.0		6.5	Đạt
4	1223360123	Nguyễn	Bính	18/01/2007	01PM15C1	8.0	7.0	7.3		8.0		7.7	Đạt
5	1223360241	Nguyễn Hùng	Cường	07/04/2007	01PM15C1	7.0	6.0	6.3		7.0		6.7	Đạt
6	1223360040	Trương Nguyễn Thành Danh		18/07/2007	01PM15C1	6.0	7.0	6.7				2.7	Thi lại
7	1223360136	Nguyễn Ngọc Hải	Dương	21/07/2007	01PM15C1	7.0	6.0	6.3		4.5		5.2	Đạt
8	1223360182	Trần Quốc	Dương	08/01/2007	01PM15C1	8.0	6.0	6.7		5.0		5.7	Đạt
9	1223360094	Nguyễn Thành	Đạt	05/03/2007	01PM15C1	7.0	6.0	6.3		6.5		6.4	Đạt
10	1223360080	Phạm Thành	Đức	30/09/2007	01PM15C1	6.0	6.0	6.0				2.4	Thi lại
11	1223360234	Cao Đức	Hạnh	03/02/2007	01PM15C1	5.0	5.0	5.0				2.0	Thi lại
12	1223240023	Nguyễn Quốc	Huy	24/01/2003	01PM15A1			0.0	TBKT			0.0	Học lại
13	1223360078	Mai Trung	Kiên	08/11/2005	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
14	1223360060	Nguyễn Văn	Kiên	14/01/2007	01PM15C1	8.0	7.0	7.3		7.0		7.1	Đạt

MÔN: LẮP RÁP CÀI ĐẶT BẢO TRÌ MÁY TÍNH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
15	1223360170	Trương Nguyễn Đăng Khoa	30/09/2007	01PM15C1	7.0	6.0	6.3		4.0		4.9	Đạt
16	1223360098	Nguyễn Hoàng Anh Khoa	06/10/2007	01PM15C1	6.0	6.0	6.0		6.0		6.0	Đạt
17	1223360122	Trần Minh Mẫn	28/02/2007	01PM15C1	8.0	7.0	7.3		5.5		6.2	Đạt
18	1223360120	Trịnh Hồng Ngọc	17/11/2007	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
19	1223360070	Trần Đức Phi	17/06/2007	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		10.0		9.2	Đạt
20	1223360160	Huỳnh Văn Phúc	14/02/2007	01PM15C1	8.0	7.0	7.3		7.0		7.1	Đạt
21	1223360184	Võ Trọng Phúc	07/02/2007	01PM15C1	7.0	7.0	7.0		6.0		6.4	Đạt
22	1223360270	Phan Kim Hoàng Phúc	07/01/2007	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
23	1223360168	Võ Minh Quân	10/06/2007	01PM15C1	8.0	7.0	7.3		7.0		7.1	Đạt
24	1223360089	Nguyễn Võ Bình Sơn	21/10/2007	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
25	1223240071	Nguyễn Nho Tú	01/02/2004	01PM15A1	8.0	7.0	7.3		4.5		5.6	Đạt
26	1223360128	Diệp Minh Tuấn	10/03/2007	01PM15C1	8.0	7.0	7.3		7.0		7.1	Đạt
27	1223360162	Nguyễn Hoàng Thái	25/07/2007	01PM15C1	6.0	6.0	6.0		6.0		6.0	Đạt
28	1223360237	Hồ Tấn Thành	10/08/2007	01PM15C1	7.0	6.0	6.3		7.0		6.7	Đạt
29	1223360174	Nguyễn Thị Thu Thảo	15/10/2007	01PM15C1	7.0	7.0	7.0		5.5		6.1	Đạt
30	1223360204	Nguyễn Quốc Hưng Thịnh	03/08/2007	01PM15C1	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt

MÔN: LẮP RÁP CÀI ĐẶT BẢO TRÌ MÁY TÍNH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
31	1223360209	Lâm Phúc	Thịnh	01/03/2007	01PM15C1	6.0	6.0	6.0		6.0		6.0	Đạt
32	1223360262	Hồ Quang	Thuận	24/08/2005	01PM15C1	8.0	7.0	7.3		6.0		6.5	Đạt
33	1223360205	Nguyễn Hoàng	Thuyên	29/08/2007	01PM15C1	8.0	7.0	7.3		6.5		6.8	Đạt
34	1223360154	Lê Hạ Hoài	Thương	27/09/2007	01PM15C1	7.0	7.0	7.0		5.5		6.1	Đạt
35	1223360165	Liêu Minh	Trọng	03/11/2007	01PM15C1	6.0	6.0	6.0		6.5		6.3	Đạt
36	1223360196	Dương Quốc	Trung	08/09/2007	01PM15C1	6.0	6.0	6.0		8.0		7.2	Đạt
37	1223360201	Nguyễn Văn	Trường	21/11/2005	01PM15C1	6.0	6.0	6.0		4.5		5.1	Đạt
38	1223360273	Mai Thanh	Trường	27/04/2007	01PM15C1	6.0	7.0	6.7		7.0		6.9	Đạt
39	2223360208	Trần Trọng	Anh	03/08/2003	02PM15C1	6.0	5.0	5.3		6.0		5.7	Đạt
40	2223360315	Đinh Duy	Anh	25/06/2007	02PM15C1	7.0	5.0	5.7		5.0		5.3	Đạt
41	2223360239	Phạm Minh Gia	Bảo	21/03/2007	02PM15C1	8.0	5.0	6.0		7.0		6.6	Đạt
42	2223360269	Nguyễn Hữu	Bảo	20/09/2007	02PM15C1	6.0	5.0	5.3		5.0		5.1	Đạt
43	2223360302	Phan Nguyễn Gia	Bảo	23/12/2007	02PM15C1	7.0	5.0	5.7		6.0		5.9	Đạt
44	2223360333	Đoàn Lâm Thiện	Bảo	28/11/2007	02PM15C1	8.0	5.0	6.0		8.0		7.2	Đạt
45	2223360087	Nguyễn Hoàng	Dinh	27/09/2002	02PM15C1	5.0	8.0	7.0		0.0		2.8	Thi lại
46	2223360308	Trần Trí	Dũng	29/08/2007	02PM15C1	9.0	5.0	6.3		7.0		6.7	Đạt

MÔN: LẮP RÁP CÀI ĐẶT BẢO TRÌ MÁY TÍNH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
47	2223360143	Phạm Ngọc Duyên	13/11/2006	02PM15C1	8.0	7.0	7.3		8.0		7.7	Đạt
48	2223360225	Ung Tấn Đạt	15/11/2007	02PM15C1	8.0	5.0	6.0		8.0		7.2	Đạt
49	2223240242	Trần Xuân Hàn	24/12/2003	02PM15A1	0.0	0.0	0.0	TBKT	0.0		0.0	Học lại
50	2223360343	Huỳnh Đăng Khải Hoàn	24/03/2007	02PM15C1	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
51	2223360241	Nguyễn Thanh Thu Hồng	16/12/2007	02PM15C1	9.0	7.0	7.7		8.0		7.9	Đạt
52	2223360147	Vũ Nhật Khôi	01/12/2006	02PM15C1	7.0	5.0	5.7		7.0		6.5	Đạt
53	2223360080	Đinh Công Lâm	16/02/2003	02PM15C1	6.0	5.0	5.3		6.0		5.7	Đạt
54	2223360352	Trần Phúc Lộc	25/09/2007	02PM15C1	7.0	8.0	7.7		8.0		7.9	Đạt
55	2223360294	Nguyễn Hoàng Nam	30/01/2007	02PM15C1	7.0	5.0	5.7		6.0		5.9	Đạt
56	2223360330	Nguyễn Trần Duy Phong	12/01/2003	02PM15C1	0.0	0.0	0.0	TBKT	0.0		0.0	Học lại
57	2223360298	Phạm Thiên Phú	01/04/2007	02PM15C1	7.0	6.0	6.3		5.0		5.5	Đạt
58	2223360205	Phạm Nguyễn Thiên Phúc	16/12/2006	02PM15C1	9.0	6.0	7.0		9.0		8.2	Đạt
59	2223360336	Lý Hữu Phước	15/06/2007	02PM15C1	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt
60	2223360119	Phạm Nguyễn Hoàng Quân	06/03/2005	02PM15C1	7.0	7.0	7.0				2.8	Thi lại
61	2223360159	Trần Minh Quân	17/12/2005	02PM15C1	9.0	5.0	6.3		7.0		6.7	Đạt
62	2223360309	Lê Hoàng Quân	21/09/2007	02PM15C1	7.0	5.0	5.7		6.0		5.9	Đạt

MÔN: LẮP RÁP CÀI ĐẶT BẢO TRÌ MÁY TÍNH

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4.0		6.0	6.0		
63	2223360325	Võ Minh	Tiến	25/09/2007	02PM15C1	9.0	6.0	7.0		7.0		7.0	Đạt
64	2223360249	Phan Huỳnh Minh	Tuấn	02/12/2007	02PM15C1	9.0	7.0	7.7		7.0		7.3	Đạt
65	2223360306	Nguyễn Chí	Thành	19/10/2006	02PM15C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
66	2223360280	Lê Hồ Gia	Thuận	26/04/2007	02PM15C1	9.0	7.0	7.7		7.0		7.3	Đạt
67	2223360194	Nguyễn Hoàng	Thức	08/03/2007	02PM15C1	9.0	6.0	7.0		6.0		6.4	Đạt
68	2223360299	Lý Ngọc Bảo	Trân	20/11/2007	02PM15C1	9.0	8.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
69	2223360207	Phạm Phú	Trọng	07/03/2007	02PM15C1	8.0	7.0	7.3		7.0		7.1	Đạt
70	2223360341	Nguyễn Thanh	Trúc	30/12/2007	02PM15C1	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
71	2223360327	Bùi Nguyễn Thanh	Vy	27/10/2007	02PM15C1	9.0	8.0	8.3		9.0		8.7	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

MÔN: QUẢN TRỊ MẠNG WINDOW SERVER

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	1223360240	Nguyễn Hoàng	Anh	10/04/2007	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		6.2		6.9	Đạt
2	1223360248	Vũ Bùi Quốc	Anh	02/05/2007	01PM15C1	8.0	7.0	7.3		9.6		8.7	Đạt
3	1223360112	Trịnh Hoàng Gia	Bảo	19/08/2007	01PM15C1	7.0	6.0	6.3		9.6		8.3	Đạt
4	1223360123	Nguyễn	Bính	18/01/2007	01PM15C1	8.0	7.0	7.3		8.4		8.0	Đạt
5	1223360241	Nguyễn Hùng	Cường	07/04/2007	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		7.3		7.6	Đạt
6	1223360040	Trương Nguyễn Thành Danh		18/07/2007	01PM15C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
7	1223360136	Nguyễn Ngọc Hải	Dương	21/07/2007	01PM15C1	7.0	6.0	6.3		4.7		5.4	Đạt
8	1223360182	Trần Quốc	Dương	08/01/2007	01PM15C1	8.0	7.0	7.3		2.2		4.3	Đạt
9	1223360094	Nguyễn Thành	Đạt	05/03/2007	01PM15C1	8.0	7.0	7.3		7.6		7.5	Đạt
10	1223360080	Phạm Thành	Đức	30/09/2007	01PM15C1	8.0	7.0	7.3				2.9	Thi lại
11	1223360234	Cao Đức	Hạnh	03/02/2007	01PM15C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
12	1223240023	Nguyễn Quốc	Huy	24/01/2003	01PM15A1	8.0	8.0	8.0				3.2	Thi lại
13	1223360078	Mai Trung	Kiên	08/11/2005	01PM15C1	7.0	6.0	6.3		4.0		4.9	Đạt
14	1223360060	Nguyễn Văn	Kiên	14/01/2007	01PM15C1	8.0	6.0	6.7		2.7		4.3	Đạt

MÔN: QUẢN TRỊ MẠNG WINDOW SERVER

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4.0		6.0	6.0		
15	1223360170	Trương Nguyễn Đăng Khoa		30/09/2007	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		3.1		5.1	Đạt
16	1223360098	Nguyễn Hoàng Anh	Khoa	06/10/2007	01PM15C1	7.0	6.0	6.3				2.5	Thi lại
17	1223360122	Trần Minh	Mẫn	28/02/2007	01PM15C1	7.0	5.0	5.7		4.4		4.9	Đạt
18	1223360120	Trịnh Hồng	Ngọc	17/11/2007	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		6.2		6.9	Đạt
19	1223360070	Trần Đức	Phi	17/06/2007	01PM15C1	8.0	9.0	8.7				3.5	Thi lại
20	1223360160	Huỳnh Văn	Phúc	14/02/2007	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		7.6		7.8	Đạt
21	1223360184	Võ Trọng	Phúc	07/02/2007	01PM15C1	8.0	7.0	7.3		2.9		4.7	Đạt
22	1223360270	Phan Kim Hoàng	Phúc	07/01/2007	01PM15C1	7.0	6.0	6.3				2.5	Thi lại
23	1223360168	Võ Minh	Quân	10/06/2007	01PM15C1	7.0	6.0	6.3		7.8		7.2	Đạt
24	1223360089	Nguyễn Võ Bình	Sơn	21/10/2007	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		6.2		6.9	Đạt
25	1223240071	Nguyễn Nho	Tú	01/02/2004	01PM15A1	7.0	6.0	6.3				2.5	Thi lại
26	1223360128	Diệp Minh	Tuấn	10/03/2007	01PM15C1	8.0	9.0	8.7		4.7		6.3	Đạt
27	1223360162	Nguyễn Hoàng	Thái	25/07/2007	01PM15C1	7.0	6.0	6.3				2.5	Thi lại
28	1223360237	Hồ Tấn	Thành	10/08/2007	01PM15C1	8.0	8.0	8.0		7.6		7.8	Đạt
29	1223360174	Nguyễn Thị Thu	Thảo	15/10/2007	01PM15C1	7.0	6.0	6.3		4.4		5.2	Đạt
30	1223360204	Nguyễn Quốc Hưng	Thịnh	03/08/2007	01PM15C1	8.0	7.0	7.3		4.2		5.5	Đạt

MÔN: QUẢN TRỊ MẠNG WINDOW SERVER

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
31	1223360209	Lâm Phúc	Thịnh	01/03/2007	01PM15C1	8.0	7.0	7.3		5.3		6.1	Đạt
32	1223360262	Hồ Quang	Thuận	24/08/2005	01PM15C1	7.0	7.0	7.0		4.0		5.2	Đạt
33	1223360205	Nguyễn Hoàng	Thuyền	29/08/2007	01PM15C1	7.0	6.0	6.3		5.3		5.7	Đạt
34	1223360154	Lê Hạ Hoài	Thương	27/09/2007	01PM15C1	7.0	6.0	6.3		6.9		6.7	Đạt
35	1223360165	Liêu Minh	Trọng	03/11/2007	01PM15C1	7.0	6.0	6.3		3.3		4.5	Đạt
36	1223360196	Dương Quốc	Trung	08/09/2007	01PM15C1	0.0	0.0	0.0	TBKT			0.0	Học lại
37	1223360201	Nguyễn Văn	Trường	21/11/2005	01PM15C1	7.0	8.0	7.7		3.1		4.9	Đạt
38	1223360273	Mai Thanh	Trường	27/04/2007	01PM15C1	6.0	7.0	6.7		3.6		4.8	Đạt